



Training law students through experimental approach in the context of digital transformation in Vietnam

Article info

Type of article:

Scientific information paper

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.3.149-163>

*Corresponding author:

Email address:

minhnt@utt.edu.vn

Received: 14/01/2026

Received in Revised Form:
15/02/2026

Accepted: 08/03/2026

Nguyen Thanh Minh

Faculty of Law and Politics, University of Transport Technology, Hanoi, Vietnam

Abstract: In the context of widespread digital transformation globally, higher education in general and legal education in particular are facing the need for fundamental innovation in thinking, content, methods, and training models. Practical experience shows that the traditional legal education model, heavily focused on theoretical teaching, has revealed many limitations in developing professional competence and the ability of law students to adapt to the rapid changes in the digital legal environment. This article approaches the issue from the perspective of legal education science, analyzing the theoretical basis of empirical legal education, clarifying the impact of digital transformation on legal education activities, and assessing the current state of legal education in Vietnam based on a synthesis of reports, surveys, and practical examples. Based on this, the article proposes a comprehensive system of solutions to improve the quality of law student training in an experiential approach within the context of digital transformation, contributing to meeting the requirements for developing high-quality legal human resources to serve the construction of a socialist rule of law state and international integration.

Keywords: legal training, experiential education, digital transformation, professional competence, law students.



Đào tạo sinh viên ngành luật theo hướng thực nghiệm trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam

Thông tin bài viết

Dạng bài viết:

Bài báo thông tin khoa học

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.3.149-163>

*Tác giả liên hệ:

Địa chỉ Email:

minhnt@utt.edu.vn

Ngày nộp bài: 14/01/2026

Ngày nộp bài sửa: 15/02/2026

Ngày chấp nhận: 08/03/2026

Nguyễn Thanh Minh

Khoa Luật - Chính trị, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra sâu rộng trên phạm vi toàn cầu, giáo dục đại học nói chung và đào tạo ngành luật nói riêng đang đứng trước yêu cầu đổi mới căn bản cả về tư duy, nội dung, phương pháp và mô hình tổ chức đào tạo. Thực tiễn cho thấy mô hình đào tạo luật truyền thống, thiên về giảng dạy lý thuyết, đã bộc lộ nhiều hạn chế trong việc hình thành năng lực nghề nghiệp và khả năng thích ứng của sinh viên luật trước những biến đổi nhanh chóng của môi trường pháp lý số. Bài viết tiếp cận vấn đề từ góc độ khoa học giáo dục pháp luật, phân tích cơ sở lý luận của đào tạo luật theo hướng thực nghiệm, làm rõ tác động của chuyển đổi số đối với hoạt động đào tạo luật, đánh giá thực trạng đào tạo sinh viên ngành luật tại Việt Nam hiện nay trên cơ sở tổng hợp các báo cáo, khảo sát và dẫn chứng thực tiễn. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất hệ thống giải pháp mang tính đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên luật theo hướng thực nghiệm trong bối cảnh chuyển đổi số, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao phục vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: đào tạo luật, giáo dục thực nghiệm, chuyển đổi số, năng lực nghề nghiệp, sinh viên luật.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số hiện nay không chỉ là một xu hướng công nghệ mà đã trở thành một quá trình mang tính cấu trúc, tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực pháp luật và giáo dục pháp luật. Việc xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số ở Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị đã và đang đặt ra những yêu cầu mới đối với hệ thống pháp luật cũng như đội ngũ nhân lực pháp lý [1].

Trong thực tiễn hoạt động pháp lý, nhiều phương thức hành nghề truyền thống đã và đang được thay thế hoặc hỗ trợ bởi các công nghệ số

như hệ thống quản lý hồ sơ điện tử, phiên tòa trực tuyến, cơ sở dữ liệu pháp luật và án lệ điện tử, công cụ phân tích pháp lý dựa trên trí tuệ nhân tạo. Điều này đòi hỏi người hành nghề luật trong tương lai không chỉ nắm vững kiến thức pháp luật mà còn phải có kỹ năng nghề nghiệp thành thạo, tư duy phản biện, năng lực giải quyết vấn đề và khả năng thích ứng với môi trường số hóa.

Tuy nhiên, thực tế đào tạo ngành luật tại Việt Nam hiện nay vẫn chủ yếu dựa trên mô hình truyền thống, lấy giảng viên làm trung tâm, chú trọng truyền thụ kiến thức lý luận, trong khi thời lượng và mức độ tổ chức các hoạt động thực

nghiệm còn hạn chế. Khoảng cách giữa đào tạo và yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp vẫn là một vấn đề được nhiều nhà khoa học, nhà quản lý giáo dục và người sử dụng lao động phản ánh. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu và triển khai mô hình đào tạo sinh viên ngành luật theo hướng thực nghiệm, gắn với chuyển đổi số, là yêu cầu cấp thiết cả về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Kết quả nghiên cứu - thảo luận

2.1. Cơ sở lý luận của đào tạo sinh viên ngành Luật theo hướng thực nghiệm

2.1.1. Khái niệm và đặc trưng của đào tạo thực nghiệm trong giáo dục pháp luật

Đào tạo thực nghiệm (experiential education) là mô hình giáo dục nhấn mạnh việc học thông qua trải nghiệm, trong đó người học chủ động tham gia vào các hoạt động thực tiễn hoặc mô phỏng thực tiễn nhằm hình thành kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp.

Trong giáo dục pháp luật, đào tạo thực nghiệm được hiểu là quá trình tổ chức cho sinh viên tham gia vào các hoạt động gắn với thực tiễn hành nghề pháp lý như phân tích vụ việc, soạn thảo văn bản pháp luật, tư vấn pháp luật, tranh tụng mô phỏng, hòa giải, thực tập nghề nghiệp tại các cơ quan, tổ chức liên quan [2]. Đào tạo thực nghiệm là mô hình giáo dục đặt người học vào các tình huống thực tiễn hoặc mô phỏng nghề nghiệp nhằm hình thành năng lực thông qua trải nghiệm trực tiếp. Bản chất của mô hình này là “học thông qua hành động” gắn với quá trình phân tư và rút kinh nghiệm có hướng dẫn. Trong giáo dục pháp luật, đào tạo thực nghiệm giúp sinh viên chuyển hóa kiến thức lý thuyết thành kỹ năng phân tích, lập luận, tư vấn và giải quyết tranh chấp. Mô hình này thu hẹp khoảng cách giữa nhà trường và thực tiễn hành nghề, đồng thời phát triển tư duy nghề nghiệp và đạo đức chuyên môn. So với đào tạo truyền thống thiên về ghi nhớ quy phạm, đào tạo thực nghiệm chú trọng năng lực thực hiện công việc cụ thể. Phương thức triển khai thường bao gồm phiên tòa giả định, phòng tư vấn pháp luật, thực tập và học tập dựa trên tình huống. Trong bối cảnh chuyển đổi số, đào tạo

thực nghiệm còn tích hợp kỹ năng sử dụng công nghệ và công cụ AI. Nhờ đó, người học được chuẩn bị tốt hơn để thích ứng với môi trường nghề nghiệp hiện đại và yêu cầu thực tiễn của xã hội.

Đào tạo thực nghiệm trong giáo dục pháp luật (Experiential Legal Education) là mô hình đào tạo trong đó người học được tổ chức tham gia trực tiếp vào các hoạt động mô phỏng hoặc thực tế nghề nghiệp pháp lý, qua đó hình thành và phát triển năng lực hành nghề thông qua trải nghiệm, phân tư và ứng dụng.

Khác với phương thức đào tạo truyền thống thiên về truyền thụ tri thức quy phạm, đào tạo thực nghiệm nhấn mạnh: Học tập thông qua hành động (learning by doing); Gắn kết lý thuyết với bối cảnh thực tiễn; Phát triển kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức hành nghề; Đánh giá dựa trên năng lực thực hiện.

Trong giáo dục pháp luật hiện đại, đào tạo thực nghiệm thường được triển khai thông qua: phiên tòa giả định (moot court), phòng tư vấn pháp luật (legal clinic), thực tập nghề nghiệp có giám sát, học tập dựa trên tình huống (case-based learning), mô phỏng giao dịch và giải quyết tranh chấp.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, đào tạo thực nghiệm còn bao gồm việc ứng dụng công nghệ pháp lý (legal tech), khai thác dữ liệu số, mô phỏng hồ sơ điện tử và sử dụng công cụ AI trong nghiên cứu - tư vấn pháp lý.

Nhìn chung, đào tạo thực nghiệm trong giáo dục pháp luật là mô hình đào tạo trong đó sinh viên luật được tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực tiễn hoặc mô phỏng nghề nghiệp (như phiên tòa giả định, tư vấn pháp lý, thực tập tại cơ quan tư pháp) nhằm hình thành năng lực hành nghề thông qua trải nghiệm và tư duy có hướng dẫn. Mô hình này dựa trên nguyên lý “học thông qua hành động”, coi năng lực thực hiện công việc là mục tiêu trung tâm thay vì chỉ tiếp thu tri thức quy phạm. Về bản chất, đào tạo thực nghiệm tạo sự gắn kết hữu cơ giữa lý thuyết và thực tiễn, giúp sinh viên hiểu cách pháp luật vận hành trong

đời sống xã hội. Quá trình học bao gồm trải nghiệm - phân tích - rút kinh nghiệm - tái áp dụng, qua đó phát triển tư duy pháp lý và kỹ năng nghề nghiệp. Mô hình này góp phần thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo và thị trường lao động, đồng thời tăng cường trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức đạo đức của người học. Trong bối cảnh chuyển đổi số, đào tạo thực nghiệm còn bao hàm việc ứng dụng công nghệ pháp lý và công cụ AI vào hoạt động học tập và thực hành luật.

Các đặc trưng cơ bản của đào tạo luật theo định hướng thực nghiệm như lấy người học làm trung tâm, gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực tiễn, chú trọng phát triển năng lực nghề nghiệp toàn diện và chuyển đổi vai trò của giảng viên từ truyền đạt sang hướng dẫn, phản biện đều có cơ sở khoa học vững chắc trong nghiên cứu giáo dục pháp luật hiện đại. Lý thuyết học tập qua trải nghiệm của Kolb (1984) khẳng định năng lực được hình thành thông qua chu trình trải nghiệm - phản tư - khái quát hóa - vận dụng, đặt người học vào vị trí chủ thể của quá trình học tập. Đồng thời, quy định của American Bar Association (2014) về yêu cầu tín chỉ experiential courses đã thể chế hóa vai trò trung tâm của đào tạo thực nghiệm trong chuẩn đầu ra luật sư. Những kết quả nghiên cứu này tạo nền tảng lý luận và thực tiễn cho việc xác định các đặc trưng của đào tạo luật theo hướng thực nghiệm [3].

Đào tạo luật theo định hướng thực nghiệm là mô hình giáo dục pháp lý đặt hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp vào trung tâm của quá trình đào tạo, nhằm phát triển năng lực hành nghề thay vì chỉ truyền thụ tri thức pháp luật. Mô hình này phản ánh sự chuyển dịch từ cách tiếp cận hàn lâm sang tiếp cận thực tế, phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

Thứ nhất, đào tạo luật thực nghiệm lấy hoạt động thực hành nghề làm nền tảng, người học được tham gia vào các hình thức như phiên tòa giả định, phòng tư vấn pháp luật, thực tập nghề nghiệp hoặc xử lý hồ sơ vụ việc mô phỏng. Qua đó, sinh viên trực tiếp trải nghiệm vai trò của các chủ thể pháp lý trong môi trường gần với thực

tiễn hành nghề.

Thứ hai, mô hình này bảo đảm sự gắn kết hữu cơ giữa lý thuyết và thực tiễn. Kiến thức pháp luật không tồn tại tách rời mà được vận dụng để giải quyết các tình huống cụ thể có yếu tố xã hội. Điều này giúp người học hiểu bản chất vận hành của pháp luật trong đời sống.

Thứ ba, đào tạo thực nghiệm định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp toàn diện, bao gồm kỹ năng phân tích, lập luận, tranh tụng, tư vấn, soạn thảo văn bản và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và có được chuẩn đầu ra vì vậy cần xác định trên cơ sở năng lực thực hiện công việc.

Thứ tư, mô hình này đề cao vai trò chủ thể tích cực của người học và nhấn mạnh quá trình phân tích, tư duy, phản biện. Thông qua việc tự đánh giá và rút kinh nghiệm từ hoạt động thực tiễn, sinh viên hình thành tư duy pháp lý độc lập.

Cuối cùng, phương thức đánh giá trong đào tạo luật thực nghiệm dựa trên năng lực và quá trình thực hiện, thay vì chỉ dựa vào thi viết truyền thống. Đây là cơ sở bảo đảm tính thực chất và hiệu quả của đào tạo pháp lý.

Như vậy, đào tạo luật theo định hướng thực nghiệm không chỉ là sự đổi mới phương pháp giảng dạy mà còn là sự thay đổi căn bản trong triết lý giáo dục pháp lý, hướng tới xây dựng đội ngũ luật gia có năng lực nghề nghiệp, bản lĩnh và trách nhiệm xã hội.

2.1.2. Ý nghĩa của đào tạo thực nghiệm đối với việc hình thành năng lực nghề nghiệp pháp lý

Trước hết, đào tạo thực nghiệm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc hình thành tư duy pháp lý và năng lực lập luận pháp lý cho sinh viên luật. Thông qua việc phân tích tình huống, nghiên cứu hồ sơ vụ việc, giải quyết các bài tập tình huống hoặc tham gia các phiên tòa mô phỏng, sinh viên không chỉ vận dụng các quy phạm pháp luật đã học mà còn học cách nhận diện vấn đề pháp lý, xác định căn cứ pháp luật, đánh giá chứng cứ và xây dựng lập luận bảo vệ quan điểm. Quá trình này giúp sinh viên chuyển từ tư duy học thuộc, ghi nhớ sang tư duy phân tích, phản biện và lập luận – những yếu tố cốt lõi của

năng lực nghề nghiệp pháp lý [4].

Thứ hai, đào tạo thực nghiệm góp phần trực tiếp vào việc phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cơ bản của người hành nghề luật, bao gồm kỹ năng nghiên cứu pháp luật, kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lý, kỹ năng tư vấn pháp luật, kỹ năng tranh tụng, hòa giải và giải quyết tranh chấp. Trong môi trường đào tạo thực nghiệm, sinh viên được đặt vào các bối cảnh nghề nghiệp cụ thể, phải thực hiện các nhiệm vụ tương tự như trong thực tiễn hành nghề.

Thứ ba, đào tạo thực nghiệm có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành và phát triển các kỹ năng mềm và năng lực làm việc chuyên nghiệp cho sinh viên luật. Các hoạt động như làm việc nhóm, thảo luận, tranh luận, thuyết trình, đóng vai trong các tình huống pháp lý giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác, kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng giải quyết xung đột [5].

Thứ tư, đào tạo thực nghiệm góp phần quan trọng vào việc bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp pháp lý cho sinh viên. Thông qua việc tiếp cận các tình huống pháp lý thực tiễn hoặc mô phỏng thực tiễn, sinh viên có điều kiện nhận diện các xung đột lợi ích, các vấn đề đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của người hành nghề luật [4].

Thứ năm, trong bối cảnh chuyển đổi số, đào tạo thực nghiệm còn có ý nghĩa trong việc phát triển năng lực thích ứng và năng lực số cho sinh viên luật. Việc tổ chức các hoạt động thực nghiệm gắn với môi trường số như khai thác cơ sở dữ liệu pháp luật điện tử, mô phỏng phiên tòa trực tuyến hay giải quyết tình huống pháp lý phát sinh từ giao dịch điện tử giúp sinh viên làm quen với phương thức hành nghề pháp lý trong môi trường số hóa. Qua đó, sinh viên không chỉ nâng cao kỹ năng chuyên môn mà còn hình thành năng lực học tập suốt đời và khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và pháp luật [6].

Cuối cùng, đào tạo thực nghiệm góp phần tăng cường sự gắn kết giữa cơ sở đào tạo luật và

thực tiễn nghề nghiệp, qua đó nâng cao chất lượng và uy tín của hoạt động đào tạo. Thông qua các chương trình thực tập, hợp tác với cơ quan tư pháp, tổ chức hành nghề luật và doanh nghiệp, sinh viên có cơ hội tiếp cận thực tiễn nghề nghiệp, chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận phát triển năng lực, phù hợp với xu hướng đổi mới giáo dục đại học hiện nay.

2.1.3. Chuyển đổi số và những yêu cầu mới đối với đào tạo luật

Trước hết, chuyển đổi số làm xuất hiện và phát triển nhanh chóng các môi trường pháp lý số. Việc xây dựng và vận hành hệ thống văn bản pháp luật điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, cơ sở dữ liệu án lệ, cổng dịch vụ công trực tuyến, phiên tòa trực tuyến đã trở thành hoạt động phổ biến trong quản lý nhà nước và hoạt động tư pháp. Điều này đặt ra yêu cầu đối với sinh viên luật phải có khả năng khai thác, xử lý và đánh giá thông tin pháp luật trong môi trường số, thay vì chỉ tiếp cận pháp luật thông qua tài liệu giấy truyền thống.

Thứ hai, chuyển đổi số thúc đẩy sự hình thành của các lĩnh vực pháp luật mới và vấn đề pháp lý mới như pháp luật về dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, giao dịch điện tử, thương mại điện tử, trí tuệ nhân tạo, công nghệ chuỗi khối (blockchain) và công nghệ pháp lý (legal technology). Những lĩnh vực này đòi hỏi người học luật không chỉ có kiến thức pháp lý thuần túy mà còn phải có hiểu biết liên ngành nhất định về công nghệ, kinh tế số và quản trị số [5].

Thứ ba, chuyển đổi số làm thay đổi phương thức hành nghề pháp lý, kéo theo sự thay đổi về yêu cầu đối với năng lực nghề nghiệp của người hành nghề luật trong tương lai. Nhiều hoạt động pháp lý truyền thống như tư vấn pháp luật, soạn thảo hợp đồng, nghiên cứu án lệ, quản lý hồ sơ vụ việc hiện nay đã và đang được hỗ trợ bởi các phần mềm chuyên dụng và công cụ trí tuệ nhân tạo. Trong bối cảnh đó, đào tạo luật cần hướng tới việc hình thành cho sinh viên năng lực sử dụng công nghệ như một công cụ hỗ trợ hành nghề, đồng thời có khả năng đánh giá rủi ro pháp

lý phát sinh từ việc ứng dụng công nghệ số [2].

2.2. Thực trạng đào tạo sinh viên ngành Luật tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số

2.2.1. Khái quát hệ thống cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam

Hệ thống đào tạo luật ở Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ trong những thập kỷ gần đây, phản ánh nhu cầu ngày càng tăng về nhân lực pháp lý chất lượng cao phục vụ công tác xây dựng pháp luật, quản lý nhà nước, hoạt động tư pháp và hội nhập quốc tế. Theo số liệu tổng hợp từ Bộ Giáo dục và Đào tạo và các báo cáo chuyên ngành, tính đến giai đoạn 2022 - 2023, cả nước có xấp xỉ 100 cơ sở giáo dục đại học tham gia đào tạo ngành Luật hoặc chuyên ngành luật, trong đó có khoảng 79 cơ sở đào tạo luật đúng ngành.

Về quy mô đào tạo, số lượng sinh viên theo học ngành luật đạt trên 120.000 sinh viên, chiếm khoảng 5-6% tổng số sinh viên đại học toàn quốc. Bên cạnh đào tạo trình độ cử nhân, hệ thống đào tạo luật sau đại học cũng từng bước được mở rộng với khoảng 39 cơ sở đào tạo thạc sĩ luật và

10 cơ sở đào tạo tiến sĩ luật, tập trung chủ yếu tại các cơ sở đào tạo lớn và các trung tâm đào tạo luật truyền thống [7].

Các cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam có sự đa dạng về loại hình, mô hình tổ chức và phân bố không gian, phản ánh đặc điểm phát triển giáo dục đại học theo vùng và theo loại hình sở hữu. Để minh họa rõ hơn thực trạng này, có thể khái quát bằng các bảng thống kê.

Các số liệu trên cho thấy hệ thống đào tạo luật tại Việt Nam có quy mô tương đối lớn và phân bố rộng khắp trên cả nước. Tuy nhiên, sự phân bố này còn mang tính không đồng đều giữa các vùng và giữa các loại hình cơ sở đào tạo. Các cơ sở đào tạo luật có truyền thống, tập trung tại các đô thị lớn, thường có điều kiện thuận lợi hơn về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và khả năng triển khai các mô hình đào tạo thực nghiệm gắn với chuyển đổi số. Ngược lại, nhiều cơ sở đào tạo luật tại các địa phương còn gặp khó khăn trong việc đầu tư hạ tầng số và tổ chức hoạt động đào tạo thực nghiệm [8].

Bảng 1. Phân bố cơ sở đào tạo luật theo vùng địa lý

Vùng địa lý	Số cơ sở đào tạo luật	Tỷ lệ (%)
Đồng bằng sông Hồng	28	35,4
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	18	22,8
Đông Nam Bộ	20	25,3
Tây Nguyên	5	6,3
Đồng bằng sông Cửu Long	8	10,2
Tổng cộng	79	100

Chú thích: Tổng hợp từ dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo về các cơ sở đào tạo ngành Luật tại Việt Nam [8].

Bảng 2. Phân loại cơ sở đào tạo luật theo loại hình sở hữu

Loại hình cơ sở đào tạo	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cơ sở công lập	51	64,6
Cơ sở tư thực	28	35,4
Tổng cộng	79	100

Chú thích: Tổng hợp từ dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo về các cơ sở đào tạo ngành Luật tại Việt Nam [8].

2.2.2. Những hạn chế trong thực tiễn đào tạo sinh viên ngành Luật theo hướng thực nghiệm

Mặc dù đào tạo luật theo hướng thực

nhệm đã được đề cập trong nhiều chủ trương, chính sách và định hướng đổi mới giáo dục đại học, song trên thực tế việc triển khai mô hình này

tại các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, thể hiện trên các phương diện chủ yếu sau đây.

Thứ nhất, mức độ triển khai đào tạo thực nghiệm còn hạn chế và thiếu đồng bộ giữa các cơ sở đào tạo. Theo báo cáo tổng kết của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong số các chương trình đào tạo ngành luật hiện nay, chỉ có khoảng 30-40% chương trình có bố trí các học phần kỹ năng hoặc hoạt động thực hành mang tính thực nghiệm một cách tương đối bài bản, chủ yếu tập trung ở các trường đào tạo luật có truyền thống và quy mô lớn. Phần lớn các cơ sở đào tạo khác mới dừng lại ở việc tăng thời lượng thảo luận hoặc giao bài tập tình huống, chưa hình thành được mô hình đào tạo thực nghiệm đúng nghĩa. Mức độ triển khai đào tạo thực nghiệm trong các cơ sở đào tạo luật hiện nay còn hạn chế và thiếu tính đồng bộ. Nhiều trường mới dừng lại ở việc tổ chức phiên tòa giả định hoặc học phần kỹ năng mang tính hình thức, chưa xây dựng được mô hình lâm sàng pháp lý (legal clinic) hoặc cơ chế thực tập có giám sát bài bản. Sự khác biệt về nguồn lực, đội ngũ giảng viên và mạng lưới hợp tác thực tiễn dẫn đến chênh lệch đáng kể về chất lượng và phạm vi triển khai giữa các cơ sở đào tạo. Một số chương trình chưa tích hợp đào tạo thực nghiệm vào cấu trúc chương trình chính khóa mà chỉ triển khai như hoạt động bổ trợ. Bên cạnh đó, tiêu chí đánh giá năng lực thực hành chưa được chuẩn hóa, gây khó khăn trong bảo đảm chất lượng đầu ra. Điều này đặt ra yêu cầu cần có định hướng chung và cơ chế hỗ trợ nhằm thúc đẩy triển khai đào tạo thực nghiệm một cách hệ thống và hiệu quả hơn.

Thứ hai, thời lượng và chất lượng các hoạt động thực nghiệm trong chương trình đào tạo còn thấp. Thực tiễn khảo sát chương trình đào tạo cho thấy, tại nhiều cơ sở đào tạo, tổng số tín chỉ dành cho các học phần kỹ năng và thực hành nghề nghiệp thường chỉ chiếm khoảng 10-15% tổng khối lượng chương trình, thấp hơn đáng kể so với khuyến nghị của nhiều tổ chức đào tạo luật quốc tế [4]. Việc tổ chức các hoạt động như phiên

tòa giả định, phòng tư vấn pháp luật, mô phỏng tranh tụng hoặc thực tập nghề nghiệp còn mang tính hình thức, thiếu tính liên tục và chưa được đánh giá đúng mức trong quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Thời lượng dành cho các học phần thực nghiệm trong nhiều chương trình đào tạo luật còn chiếm tỷ lệ thấp so với khối lượng kiến thức lý thuyết, dẫn đến cơ hội rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên bị hạn chế. Không ít hoạt động thực hành được tổ chức ngắn hạn, thiếu tính liên tục và chưa gắn với chuẩn đầu ra cụ thể. Các nghiên cứu về Clinical Legal Education cũng chứng minh rằng việc tham gia legal clinic và các khóa học experiential giúp sinh viên phát triển hiệu quả kỹ năng thực hành và ý thức trách nhiệm xã hội (Bloch, 2011) [9]. Chất lượng triển khai cũng chưa đồng đều, do thiếu giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn hoặc thiếu cơ chế giám sát chuyên môn chặt chẽ. Việc đánh giá kết quả thực nghiệm đôi khi còn hình thức, chưa phản ánh đúng năng lực thực hiện công việc của người học.

Thứ ba, hạn chế về đội ngũ giảng viên và nguồn lực bảo đảm chất lượng đào tạo thực nghiệm là một trong những rào cản lớn. Theo số liệu thống kê, tỷ lệ giảng viên luật có kinh nghiệm hành nghề thực tiễn tại nhiều cơ sở đào tạo còn thấp; tại một số trường địa phương, tỷ lệ này chỉ đạt khoảng 20-25% [7]. Bên cạnh đó, nhiều giảng viên chưa được đào tạo bài bản về phương pháp giảng dạy thực nghiệm và ứng dụng công nghệ số, dẫn đến việc tổ chức các hoạt động thực nghiệm còn lúng túng, thiếu chiều sâu sư phạm. Đội ngũ giảng viên ở một số cơ sở đào tạo luật còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn hành nghề, trong khi đào tạo thực nghiệm đòi hỏi sự kết hợp giữa năng lực học thuật và kỹ năng nghề nghiệp. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất như phòng mô phỏng phiên tòa, phòng tư vấn pháp lý và hệ thống học liệu số chưa được đầu tư đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức hoạt động thực hành. Nguồn lực tài chính và cơ chế hỗ trợ hợp tác với cơ quan, doanh nghiệp thực tiễn còn hạn chế

cũng làm giảm tính bền vững của mô hình đào tạo thực nghiệm.

Thứ tư, cơ sở vật chất và hạ tầng số phục vụ đào tạo thực nghiệm còn chưa đáp ứng yêu cầu. Mặc dù nhiều cơ sở đào tạo đã đầu tư phòng học thông minh, hệ thống học liệu điện tử và nền tảng quản lý học tập trực tuyến, song việc xây dựng các không gian đào tạo thực nghiệm chuyên biệt như phòng mô phỏng phiên tòa, phòng tư vấn pháp luật, hệ thống phần mềm hỗ trợ nghiên cứu và hành nghề pháp lý vẫn còn hạn chế. Theo phản ánh từ các cơ sở đào tạo, chỉ khoảng một phần ba số trường đào tạo luật có điều kiện tổ chức thường xuyên các hoạt động mô phỏng nghề nghiệp gắn với công nghệ số [8].

Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo thực nghiệm như phòng xử án mô phỏng, không gian tư vấn pháp lý và hệ thống quản lý hồ sơ thực hành ở nhiều cơ sở còn thiếu hoặc chưa đạt chuẩn, làm giảm tính chân thực của môi trường trải nghiệm. Hạ tầng số, bao gồm thư viện điện tử, cơ sở dữ liệu pháp luật chuyên sâu và phần mềm mô phỏng, chưa được đầu tư đồng bộ, dẫn đến hạn chế trong việc tích hợp công nghệ vào hoạt động thực nghiệm.

Thứ năm, mối liên kết giữa cơ sở đào tạo luật và các cơ quan, tổ chức hành nghề pháp lý còn chưa chặt chẽ. Hoạt động thực tập của sinh viên luật tại tòa án, viện kiểm sát, cơ quan hành chính hoặc tổ chức hành nghề luật sư ở nhiều nơi còn mang tính hình thức, chủ yếu tập trung vào quan sát hơn là tham gia trực tiếp vào các hoạt động nghề nghiệp. Điều này làm hạn chế hiệu quả của đào tạo thực nghiệm trong việc hình thành năng lực nghề nghiệp thực chất cho sinh viên.

Thứ sáu, kỹ năng của người học luật còn yếu trong việc khai thác, sử dụng các công cụ trong chuyển đổi số (kỹ năng khai thác sử dụng các công cụ AI). Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI), kỹ năng khai thác và sử dụng các công cụ công nghệ của người học luật vẫn còn nhiều hạn chế, phần lớn sinh viên chưa thành thạo trong

việc tìm kiếm, sàng lọc và khai thác dữ liệu pháp lý trên các nền tảng số và hệ thống tra cứu thông minh. Kỹ năng tương tác với AI, đặc biệt là kỹ năng đặt câu lệnh (prompt) có cấu trúc và phù hợp với bối cảnh pháp lý cụ thể, còn mang tính cảm tính và thiếu chiều sâu chuyên môn. Bên cạnh đó, năng lực kiểm chứng, đánh giá độ tin cậy và phản biện kết quả do AI cung cấp chưa được hình thành rõ ràng, dẫn đến nguy cơ phụ thuộc vào công cụ mà thiếu sự đối chiếu với nguồn pháp luật chính thống. Nhận thức về đạo đức nghề nghiệp và bảo mật dữ liệu khi sử dụng AI cũng chưa đầy đủ, nhất là trong xử lý thông tin nhạy cảm liên quan đến khách hàng hoặc vụ việc. Những hạn chế này xuất phát từ việc chương trình đào tạo luật chưa tích hợp một cách hệ thống nội dung về kỹ năng số và legal tech, khiến người học thiếu nền tảng để thích ứng với môi trường hành nghề pháp lý hiện đại. Điều đó cho thấy yêu cầu cấp thiết phải nâng cao năng lực công nghệ và tư duy số cho sinh viên luật trong giai đoạn hiện nay.

Những hạn chế nêu trên cho thấy khoảng cách đáng kể giữa yêu cầu đổi mới đào tạo luật theo hướng thực nghiệm và thực tiễn triển khai tại các cơ sở đào tạo ở Việt Nam hiện nay. Việc nhận diện đầy đủ và phân tích rõ các hạn chế này là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp phù hợp, khả thi nhằm nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành luật trong bối cảnh chuyển đổi số.

2.3. Đào tạo thực nghiệm trong bối cảnh chuyển đổi số: Kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, các cơ sở đào tạo luật trên thế giới ngày càng chú trọng mạnh mẽ tới mô hình đào tạo thực nghiệm nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp và nâng cao tính thích ứng của sinh viên với môi trường pháp lý hiện đại. Kinh nghiệm từ các trường luật hàng đầu cho thấy, việc tổ chức hoạt động thực nghiệm một cách hệ thống cùng với áp dụng công nghệ số chính là chìa khóa để thu hẹp khoảng cách giữa giáo dục pháp lý truyền thống và yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp.

2.3.1. Kinh nghiệm từ Hoa Kỳ

Harvard Law School- một trong những trường đào tạo luật danh tiếng nhất thế giới, đã xây dựng một hệ thống trải nghiệm thực tế (Experiential Learning) rất mạnh mẽ, trong đó sinh viên được tham gia vào hệ thống clinical program đa dạng, từ nhân quyền, nhập cư đến luật thuế, luật y tế... Các chương trình này cho phép sinh viên làm việc trực tiếp với khách hàng và các vụ việc pháp lý thực tế dưới sự giám sát của luật sư và giảng viên có kinh nghiệm, qua đó phát triển kỹ năng nghề như đại diện pháp lý, soạn thảo văn bản, tranh tụng và tư vấn pháp luật ngay trong quá trình học.

Tương tự, Yale Law School cung cấp hơn 30 clinic và khóa học mô phỏng pháp lý (simulation courses) trải rộng các lĩnh vực chuyên sâu. Tại đây, sinh viên không chỉ thực hành kỹ năng mà còn có cơ hội tham gia vào các dự án phục vụ cộng đồng và các hoạt động chính sách pháp luật, như chiến dịch trợ giúp pháp lý nhân quyền, hỗ trợ cựu chiến binh, hay các vấn đề nhà ở và nhập cư, nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề pháp lý trong các bối cảnh đa dạng.

Một khía cạnh khác của kinh nghiệm Hoa Kỳ là mạng lưới LawWithoutWalls - một sáng kiến hợp tác quốc tế do University of Miami School of Law khởi xướng, thu hút sinh viên và chuyên gia luật từ hơn 30 trường luật trên thế giới tham gia các dự án liên ngành giải quyết các thách thức pháp lý - kinh doanh - công nghệ theo phương thức làm việc nhóm toàn cầu, phản ánh xu hướng toàn cầu hóa giáo dục luật mà Việt Nam có thể nghiên cứu học hỏi [10].

2.3.2. Kinh nghiệm một số nước Châu á

Ở Nhật Bản, sau cải cách hệ thống đào tạo pháp lý từ năm 2004, mô hình các chương trình đào tạo luật tại các trường luật đã được mở rộng theo hướng chuyên nghiệp hoá, bao gồm đào tạo theo chuẩn luật sư mới (J.D.) kèm thực hành nghề nghiệp sâu hơn và yêu cầu trải nghiệm trong môi trường pháp lý thực tế trước khi hành nghề, nhằm nâng cao năng lực ứng biến trong kỷ nguyên số hoá hệ thống pháp lý và quản trị công

lý; sự thay đổi này nằm trong nỗ lực củng cố khả năng hành nghề của sinh viên trong bối cảnh pháp lý và thị trường lao động phức tạp hơn.

Tại Thái Lan, một số chương trình luật tiên tiến như chương trình Bachelor of Laws in Business and Technology Law tại Chulalongkorn University đã thiết kế nội dung đào tạo trải nghiệm (experiential learning) tích hợp giữa kỹ năng pháp lý, kinh doanh và công nghệ, khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động thực hành, khai thác công nghệ và ứng dụng kiến thức vào các tình huống pháp lý – kinh tế đương đại, từ đó trang bị năng lực làm việc trong môi trường nghề nghiệp số đa ngành.

Ở Trung Quốc, dù hệ thống đào tạo luật vẫn còn truyền thống mang tính lý thuyết, nhiều trường đại học lớn đã bắt đầu tích hợp các nội dung liên quan tới legaltech (công nghệ pháp lý) vào chương trình học, bao gồm cả các nội dung về AI, dữ liệu lớn và blockchain trong giáo dục pháp lý; tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy sự thiếu hụt đáng kể các chương trình legaltech tích hợp trong giáo dục đại học luật và nhu cầu tăng cường đào tạo kỹ năng số để đáp ứng yêu cầu pháp lý mới trong kỷ nguyên số hoá còn rất lớn, buộc các cơ sở đào tạo phải điều chỉnh chương trình để phát triển nguồn nhân lực pháp lý thích ứng với chuyển đổi số.

Những kinh nghiệm này đều phản ánh xu hướng chung ở nhiều quốc gia trong việc coi đào tạo thực nghiệm gắn với chuyển đổi số không chỉ là đổi mới phương pháp giảng dạy mà còn là định hướng chiến lược phát triển năng lực nghề nghiệp pháp lý trong bối cảnh toàn cầu hoá, số hoá và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng [11].

2.3.3. Kinh nghiệm tại các nước khác

Ngoài Hoa Kỳ, nhiều hệ thống đào tạo luật ở châu Âu, Canada và Úc cũng coi trọng trải nghiệm thực tế. Ví dụ, University of Toronto Faculty of Law tại Canada tổ chức một loạt programs clinical và internship, trong đó sinh viên tham gia trực tiếp hỗ trợ cộng đồng, từ bảo vệ quyền lợi người lao động đến hỗ trợ phụ nữ bị bạo lực, và các hoạt động này được tín chỉ hóa

trong chương trình đào tạo chuẩn.

Ở châu Âu, Centre for Clinical Legal Education thuộc Palacký University (Cộng hòa Czech) là điển hình của mô hình kết hợp giảng dạy kỹ năng và thực hành pháp lý qua các workshop và clinic kéo dài cả học kỳ, từ phỏng vấn khách hàng đến chuẩn bị tài liệu pháp lý và tranh tụng, với tính chất bắt buộc cho sinh viên năm thứ hai của chương trình luật.

Tại Úc, nhiều trường theo mô hình tích hợp giữa kiến thức lý luận và thực hành nghề nghiệp, khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động như moot court (cuộc thi tranh tụng mô phỏng), thực tập tại các văn phòng luật và dự án phục vụ cộng đồng. Mô hình này luật sư Úc còn nhấn mạnh hội nhập quốc tế và năng lực nghề nghiệp toàn cầu, phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa.

2.4. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo pháp luật tại Việt Nam

2.4.1. Hoàn thiện chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra

Hoàn thiện chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra là giải pháp có ý nghĩa nền tảng, giữ vai trò định hướng toàn bộ quá trình đổi mới đào tạo sinh viên ngành luật theo hướng thực nghiệm trong bối cảnh chuyển đổi số. Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra không chỉ phản ánh triết lý, mục tiêu đào tạo của cơ sở giáo dục đại học mà còn là cơ sở để tổ chức nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra – đánh giá và bảo đảm chất lượng đào tạo.

Trước hết, việc hoàn thiện chương trình đào tạo ngành luật cần được thực hiện theo hướng chuyển mạnh từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận phát triển năng lực, phù hợp với chuẩn chương trình đào tạo trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Theo đó, chương trình đào tạo không chỉ xác định các học phần và khối lượng kiến thức cần trang bị mà phải làm rõ hệ thống năng lực nghề nghiệp pháp lý mà sinh viên cần đạt được sau khi tốt nghiệp, bao gồm năng lực chuyên môn, năng lực kỹ năng nghề nghiệp, năng lực số và năng lực đạo đức nghề nghiệp.

Thứ hai, cần cơ cấu lại chương trình đào tạo theo hướng tăng tỷ trọng các học phần thực nghiệm và học phần tích hợp lý thuyết - thực hành. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các chương trình đào tạo luật hiệu quả thường dành từ 25-30% tổng khối lượng chương trình cho các hoạt động đào tạo thực nghiệm như clinic, mô phỏng nghề nghiệp, thực tập có hướng dẫn và dự án pháp lý [5]. Đối với Việt Nam, trong điều kiện thực tế hiện nay, việc từng bước nâng tỷ lệ này lên mức hợp lý là cần thiết nhằm tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp một cách có hệ thống và liên tục.

Thứ ba, chương trình đào tạo luật cần được thiết kế theo hướng linh hoạt, mở và cập nhật, cho phép tích hợp kịp thời các nội dung pháp lý mới phát sinh từ chuyển đổi số. Bên cạnh các học phần pháp luật truyền thống, cần bổ sung các học phần hoặc chuyên đề về pháp luật dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, công nghệ pháp lý (legal technology) và kỹ năng hành nghề trong môi trường số.

Cuối cùng, việc hoàn thiện chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra cần được đặt trong mối liên hệ hữu cơ với đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá. Chuẩn đầu ra theo hướng phát triển năng lực chỉ có thể được hiện thực hóa khi các phương pháp giảng dạy và đánh giá được thiết kế phù hợp, chú trọng đánh giá quá trình, đánh giá thông qua sản phẩm thực nghiệm và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống pháp lý cụ thể. Đây là điều kiện quan trọng để đào tạo luật theo hướng thực nghiệm thực sự đi vào chiều sâu và phát huy hiệu quả trong bối cảnh chuyển đổi số.

Đào tạo luật trong bối cảnh hiện nay cần được đổi mới theo hướng kết hợp giữa định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội và thị trường lao động. Các cơ sở đào tạo luật không chỉ chú trọng truyền đạt kiến thức lý thuyết mà còn cần tăng cường kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho sinh viên. Điều này bao gồm việc phát triển các phương pháp giảng dạy tích cực, tăng cường

hoạt động nghiên cứu khoa học và gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với thực tiễn pháp lý. Bên cạnh đó, việc hợp tác giữa các cơ sở đào tạo luật, tổ chức nghề nghiệp và cơ quan nhà nước cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Mô hình đào tạo kết hợp nghiên cứu và ứng dụng sẽ giúp sinh viên luật phát triển tư duy pháp lý, khả năng phân tích vấn đề và năng lực giải quyết các tình huống pháp lý trong thực tiễn [13].

2.4.2. Ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy và thực hành đào tạo ngành Luật

Ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy và thực hành là giải pháp then chốt nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo luật theo hướng thực nghiệm trong bối cảnh chuyển đổi số. Đối với đào tạo ngành luật, công nghệ số không chỉ là công cụ hỗ trợ truyền tải tri thức mà còn là môi trường để tổ chức các hoạt động thực nghiệm, mô phỏng và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp pháp lý.

Trước hết, cần đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng học tập số và hệ thống quản lý học tập (Learning Management System - LMS) trong tổ chức giảng dạy ngành luật. Các nền tảng này cho phép giảng viên xây dựng học liệu số, tổ chức thảo luận trực tuyến, giao và đánh giá bài tập tình huống pháp lý, đồng thời theo dõi quá trình học tập và mức độ đạt chuẩn đầu ra của sinh viên. Việc kết hợp linh hoạt giữa giảng dạy trực tiếp và trực tuyến (blended learning) giúp mở rộng không gian học tập, tăng cường tính chủ động của sinh viên và phù hợp với đặc thù học tập dựa trên tình huống của ngành luật [7].

Thứ hai, cần khai thác và sử dụng có hệ thống các cơ sở dữ liệu pháp luật điện tử và án lệ trong giảng dạy và học tập. Việc hướng dẫn sinh viên sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, hệ thống án lệ của Tòa án nhân dân tối cao, cũng như các cơ sở dữ liệu pháp lý thương mại sẽ giúp sinh viên hình thành kỹ năng nghiên cứu pháp luật, phân tích án lệ và cập nhật quy định pháp luật một cách chuyên nghiệp. Đây là nội dung đặc biệt quan trọng đối với đào tạo luật theo hướng thực nghiệm, khi kỹ năng tra cứu và xử lý thông

tin pháp lý trong môi trường số đã trở thành năng lực cốt lõi của người hành nghề luật.

Thứ ba, cần tổ chức các hoạt động mô phỏng nghề nghiệp pháp lý trên nền tảng số, như phiên tòa trực tuyến, tranh tụng mô phỏng, hòa giải và thương lượng trực tuyến. Thông qua các phần mềm mô phỏng hoặc nền tảng học trực tuyến, sinh viên có thể tham gia đóng vai thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư và đương sự trong các tình huống pháp lý cụ thể. Hình thức này không chỉ giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tranh tụng và giao tiếp pháp lý mà còn làm quen với phương thức tố tụng điện tử đang được triển khai trong thực tiễn tư pháp hiện nay.

Thứ tư, cần đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên nền tảng số, phù hợp với đặc thù đào tạo luật theo hướng thực nghiệm. Thay vì chỉ đánh giá bằng thi viết truyền thống, cần tăng cường đánh giá thông qua sản phẩm học tập số như hồ sơ vụ việc điện tử, bài tư vấn pháp luật trực tuyến, video tranh tụng mô phỏng và nhật ký phản tư của sinh viên. Cách tiếp cận này không chỉ phản ánh sát hơn năng lực nghề nghiệp của người học mà còn góp phần nâng cao tính minh bạch và khách quan trong đánh giá.

Cuối cùng, việc ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy và thực hành đào tạo ngành luật cần được triển khai trên cơ sở bảo đảm các yêu cầu về pháp lý, đạo đức và bảo mật thông tin. Báo cáo Educating Lawyers của Carnegie Foundation chỉ ra rằng giáo dục luật truyền thống thiên về tư duy học thuật mà chưa tích hợp đầy đủ “apprenticeship of practice”, từ đó khuyến nghị tăng cường đào tạo kỹ năng nghề và đạo đức hành nghề (Sullivan et al., 2007) [12]. Các cơ sở đào tạo cần xây dựng quy chế sử dụng công nghệ số trong đào tạo luật, bảo vệ dữ liệu cá nhân của sinh viên và các chủ thể tham gia hoạt động thực nghiệm, đồng thời nâng cao nhận thức về đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số. Đây là điều kiện cần thiết để ứng dụng công nghệ số thực sự góp phần nâng cao chất lượng và tính bền vững của đào tạo luật theo hướng thực

nghiệm.

2.4.3. Liên kết chặt chẽ với thực tiễn nghề nghiệp

Liên kết chặt chẽ với thực tiễn nghề nghiệp là giải pháp có ý nghĩa quyết định nhằm bảo đảm tính thực chất của đào tạo luật theo hướng thực nghiệm, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay. Đối với ngành luật, nơi năng lực hành nghề chỉ có thể được hình thành thông qua trải nghiệm thực tiễn, sự gắn kết giữa cơ sở đào tạo với các chủ thể hành nghề pháp lý giữ vai trò then chốt.

Trước hết, cần tăng cường hợp tác có chiều sâu và ổn định giữa các cơ sở đào tạo luật với các cơ quan tư pháp, bao gồm tòa án, viện kiểm sát, cơ quan điều tra và các cơ quan thi hành án. Thông qua các thỏa thuận hợp tác chính thức, sinh viên luật có thể được tiếp cận môi trường làm việc thực tế, quan sát và tham gia hỗ trợ các hoạt động tố tụng, hành chính tư pháp dưới sự hướng dẫn của cán bộ chuyên môn. Hoạt động nghiệp vụ cụ thể sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn về quy trình áp dụng pháp luật, vai trò và trách nhiệm của từng chủ thể trong hệ thống tư pháp, từ đó hình thành tư duy nghề nghiệp và ý thức tuân thủ pháp luật.

Thứ hai, cần đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức hành nghề luật sư, công chứng, trọng tài và tư vấn pháp lý, coi đây là đối tác chiến lược trong đào tạo thực nghiệm. Các văn phòng luật sư, công ty luật... là nơi tiếp nhận sinh viên thực có thể tham gia trực tiếp vào quá trình xây dựng tình huống thực tiễn. Việc mời luật sư, công chứng viên và chuyên gia pháp lý tham gia giảng dạy với tư cách giảng viên thỉnh giảng hoặc cố vấn học tập sẽ góp phần rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo trong nhà trường và yêu cầu hành nghề trong thực tiễn.

Thứ ba, cần thiết kế và triển khai các chương trình thực tập dài hạn, có cấu trúc và có đánh giá cho sinh viên ngành luật. Khác với mô hình thực tập ngắn hạn mang tính hình thức, thực tập dài hạn (từ một học kỳ đến một năm học) cho phép sinh viên tham gia sâu vào các hoạt động

nghề nghiệp, thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với trình độ dưới sự giám sát của người hướng dẫn tại cơ sở thực tập và giảng viên phụ trách.

Cuối cùng, việc tăng cường liên kết với thực tiễn nghề nghiệp cần được đặt trong chiến lược phát triển dài hạn của các cơ sở đào tạo luật, gắn với xây dựng mạng lưới đối tác nghề nghiệp bền vững và uy tín. Thông qua sự gắn kết chặt chẽ này, sinh viên ngành luật không chỉ được trang bị kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết mà còn hình thành thái độ nghề nghiệp, bản lĩnh và đạo đức hành nghề trước khi chính thức gia nhập thị trường lao động pháp lý.

2.5. Nhiệm vụ, giải pháp và kiến nghị trong đào tạo sinh viên luật của trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải - Định hướng đến 2030, tầm nhìn 2045

Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải (University of Transport Technology - UTT) là cơ sở đào tạo đa ngành với sứ mệnh cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển của ngành Giao thông vận tải và đất nước. Theo tầm nhìn chiến lược, đến năm 2030 UTT phấn đấu trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu, khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong nhiều lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu; đến năm 2045, trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học ứng dụng, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, để UTT chủ động tham gia vào công tác đào tạo nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thời đại số và cải cách tư pháp, nhà trường cần triển khai các nhiệm vụ và giải pháp chiến lược sau:

Một là, xác định mục tiêu đào tạo luật phù hợp định hướng chiến lược của Nhà trường

UTT cần xây dựng tầm nhìn và mục tiêu đào tạo ngành luật trong chiến lược phát triển giai đoạn đến năm 2030 và hướng đến 2045, gắn với sứ mạng “Ứng dụng - Thực học - Thực nghiệp” của trường. Mục tiêu này cần xác định rõ UTT không chỉ đào tạo luật trong bối cảnh giao thông

vận tải mà còn hình thành đội ngũ cử nhân luật có năng lực thực hành, thích ứng với môi trường pháp lý số, góp phần vào quản trị pháp luật doanh nghiệp, quản lý dự án, hợp đồng trong lĩnh vực công nghệ và vận tải - những lĩnh vực chủ lực của trường [14].

Hai là, xây dựng chương trình đào tạo luật thực nghiệm gắn với lĩnh vực ứng dụng chuyên ngành

Để đảm bảo sinh viên luật của UTT đáp ứng nhu cầu thực tiễn, chương trình đào tạo cần tích hợp các học phần thực nghiệm gắn với các tình huống pháp lý đặc thù của ngành giao thông vận tải và lĩnh vực công nghệ, chẳng hạn:

- 1) Pháp luật giao thông - vận tải và quản lý dự án vận tải số.
- 2) Hợp đồng và pháp lý dự án công - tư trong vận tải
- 3) Pháp luật về logistics và chuỗi cung ứng xuyên biên giới
- 4) Pháp luật dữ liệu, AI và an ninh mạng trong dịch vụ vận tải

Chương trình nên được cập nhật định kỳ theo nhu cầu thị trường lao động và sự phát triển pháp lý trong nước và quốc tế.

Ba là, thiết lập các mô hình thực tập nghề nghiệp dài hạn và xuyên suốt

UTT cần ký kết hợp tác chiến lược với các cơ quan tư pháp, doanh nghiệp vận tải, văn phòng luật sư, tổ chức trọng tài và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan để tổ chức thực tập dài hạn cho sinh viên luật. Khuyến khích thực tập có tín chỉ từ học kỳ 5 trở đi với mục tiêu sinh viên hoàn thành tối thiểu 2 kỳ thực tập chuyên sâu tại các cơ quan, với việc giám sát, đánh giá bởi cả cơ sở đào tạo và đơn vị tiếp nhận.

Các chương trình thực tập này cần có:

- 1) Hồ sơ nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với chuẩn năng lực đầu ra của UTT
- 2) Đánh giá năng lực nghề nghiệp thực tế (participation in legal procedures, drafting documents, legal advising)
- 3) Báo cáo và phản hồi hai chiều giữa cơ sở đào tạo và đơn vị tiếp nhận

Bốn là, phát triển quan hệ hợp tác đa chiều, bao gồm quốc tế và liên ngành

UTT nên chủ động thiết lập quan hệ hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức nghề nghiệp luật trong và ngoài nước để trao đổi học thuật, trao đổi sinh viên và giảng viên, tổ chức hội thảo chuyên đề về pháp luật - công nghệ. Việc này giúp sinh viên tiếp cận kiến thức pháp lý toàn cầu, đồng thời hỗ trợ xây dựng chương trình giảng dạy cập nhật xu hướng quốc tế.

Năm là, đầu tư hạ tầng công nghệ và tài nguyên số phục vụ đào tạo luật hiện đại

Nhà trường cần đầu tư vào cơ sở dữ liệu pháp luật điện tử, công cụ mô phỏng phiên tòa trực tuyến, hệ thống quản lý vụ việc điện tử, và các phần mềm hỗ trợ nghiên cứu và phân tích pháp lý. Hạ tầng này không chỉ phục vụ giảng dạy mà còn giúp sinh viên nâng cao năng lực số – kỹ năng thiết yếu cho hành nghề luật trong tương lai.

Sáu là, xây dựng cơ chế quản lý chất lượng và đánh giá kết quả đào tạo

UTT cần thiết lập bộ tiêu chí và công cụ đánh giá chất lượng đào tạo luật theo hướng thực nghiệm, dựa trên năng lực thực hành và thành quả nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Các dữ liệu này cần được cập nhật thường xuyên để làm cơ sở điều chỉnh chương trình, phương pháp giảng dạy và chiến lược hợp tác.

Bảy là, đề xuất chính sách hỗ trợ đào tạo luật trong bối cảnh chuyển đổi số

UTT có thể kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giao Xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền xem xét:

- 1) Hỗ trợ phát triển chương trình đào tạo luật ứng dụng trong các trường chuyên ngành kỹ thuật và vận tải.
- 2) Cơ chế tài trợ nghiên cứu và thực nghiệm trong lĩnh vực pháp luật - công nghệ.
- 3) Khuyến khích các mô hình thực tập có trả công hoặc hỗ trợ sinh viên.

Mục tiêu đến năm 2030

- 1) Hoàn thiện chương trình đào tạo ngành Luật theo định hướng ứng dụng, có học phần

chuyên sâu về pháp luật giao thông, đầu tư hạ tầng và chuyển đổi số.

2) Tăng cường tỷ lệ học phần thực hành, thực tập và mô phỏng nghề nghiệp đạt tối thiểu 30–40% chương trình.

3) 100% sinh viên được trang bị kỹ năng sử dụng cơ sở dữ liệu pháp luật và công cụ hỗ trợ nghiên cứu pháp lý số.

4) Xây dựng mạng lưới hợp tác với cơ quan tư pháp, doanh nghiệp giao thông, xây dựng, logistics, công ty luật, văn phòng tư vấn, thừa phát lại...

* Tầm nhìn chiến lược đến 2045

Đến năm 2045, UTT cần phấn đấu trở thành một trung tâm đào tạo pháp lý ứng dụng cao, nơi:

- Cử nhân luật được trang bị năng lực hành nghề trong môi trường số và lĩnh vực công nghệ - vận tải.

- Các chương trình đào tạo luật được công nhận chuẩn quốc tế.

- UTT là đối tác tin cậy trong mạng lưới đào tạo luật và pháp lý ASEAN và trên thế giới.

- Sinh viên luật có cơ hội thực tập và hành nghề tại các tổ chức quốc tế và doanh nghiệp đa quốc gia [14].

- Trở thành đơn vị đào tạo pháp lý ứng dụng có thể mạnh đặc thù về pháp luật giao thông, hạ tầng và công nghệ.

- Hình thành trung tâm nghiên cứu pháp luật hạ tầng, chính sách công và pháp luật trong chuyển đổi số.

- Từng bước mở chương trình đào tạo sau đại học và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực pháp luật chuyên ngành.

3. Kết luận

Đào tạo sinh viên ngành Luật theo hướng thực nghiệm trong bối cảnh chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp lý tại Việt Nam. Việc triển khai mô hình này đòi hỏi sự đổi mới đồng bộ từ chương trình, phương pháp giảng dạy đến cơ chế quản lý và chính sách hỗ trợ. Với cách tiếp cận phù hợp và sự đầu tư thỏa đáng, đào tạo luật theo hướng

thực nghiệm sẽ góp phần quan trọng vào việc xây dựng đội ngũ cử nhân luật có năng lực, bản lĩnh và khả năng thích ứng cao với yêu cầu của xã hội hiện đại.

Bài viết đã tiếp cận vấn đề từ cả góc độ lý luận và thực tiễn, phân tích cơ sở khoa học của đào tạo luật theo hướng thực nghiệm, làm rõ những yêu cầu mới đặt ra từ chuyển đổi số đối với hoạt động đào tạo luật, đồng thời đánh giá thực trạng hệ thống cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam thông qua các số liệu thống kê và dẫn chứng thực tiễn. Trên cơ sở đó, có thể khẳng định rằng đào tạo luật theo hướng thực nghiệm, đặc biệt khi được tích hợp với các nền tảng và công cụ số, có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp cốt lõi cho sinh viên luật, bao gồm tư duy pháp lý, kỹ năng hành nghề, năng lực thích ứng với môi trường pháp lý số và ý thức đạo đức nghề nghiệp.

Như vậy, đào tạo sinh viên ngành luật theo hướng thực nghiệm trong bối cảnh chuyển đổi số không chỉ là giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trong ngắn hạn, mà còn là định hướng chiến lược lâu dài nhằm xây dựng đội ngũ nhân lực pháp lý có năng lực, bản lĩnh và trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên số.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Chính trị. (2019). Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hà Nội. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-52-ngtw-ngay-2792019-cua-bo-chinh-tri-ve-mot-so-chu-truong-chinh-sach-chu-dong-tham-gia-cuoc-cach-mang-cong-5715> (truy cập 20/11/2025).
- [2]. Kolb, D. A. (1984). *Experiential Learning: Experience as the Source of Learning and Development*, Prentice Hall, Englewood Cliffs, New Jersey.

- [3] American Bar Association. (2014). Standards and Rules of Procedure for Approval of Law Schools, ABA Publishing, Chicago.
- [4] Stuckey, R., Glesner Fines, B., & others. (2019). Best Practices for Legal Education: A Vision and a Road Map, 2nd ed., Clinical Legal Education Association.
- [5] World Economic Forum. (2020). The Future of Jobs Report, Geneva.
- [6] N. T. Huyền. (2022). “Bảo đảm chất lượng đào tạo luật trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam”. Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam, số 3.
- [7] T. N. Đường. (2021). Giáo dục pháp luật và đào tạo nguồn nhân lực pháp lý ở Việt Nam. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.
- [8] Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2024). Danh mục cơ sở giáo dục đại học và ngành đào tạo được phép tuyển sinh. <https://moet.gov.vn>.
- [9] OECD. (2021). Education Policy Outlook: Shaping Responsive and Resilient Education Systems. OECD Publishing. Paris.
- [10] V. L. University & Vietnam Law Schools Network. (2022). Proceedings of the National Conference on Research-Oriented and Application-Oriented Legal Training in Vietnam, Ho Chi Minh City.
- [11] Các dẫn chứng tổng hợp từ nghiên cứu và mô tả thực tế về đổi mới đào tạo pháp lý tại Nhật Bản. Thái Lan và Trung Quốc. https://en.wikipedia.org/wiki/Legal_education?
- [12] Sullivan, W. M., Colby, A. Wegner, J. W., Bond, L., & Shulman, L. S. (2007). Educating Lawyers: Preparation for the Profession of Law. Jossey-Bass. San Francisco.
- [13] Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ban hành chuẩn chương trình đào tạo trình độ đại học. Hà Nội.
- [14] Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải thực hiện triết lý giáo dục “Ứng dụng - Thực học - Thực nghiệp”. <https://utt.edu.vn/vn/tuyensinh/tuyen-sinh-dai-hoc/truong-dai-hoc-cong-nghe-giao-thong-van-tai-thuc-hien-triet-ly-giao-duc-ung-dung-thuc-hoc-thuc-nghiep-a15481.html>.